

## BÀI 2: CON SUỐI BẢN TÔI (tiết 5 – 10, SHS, tr.13 – 17)

### I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được với bạn một cảnh vật nơi em ở; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Con suối đã đem lại cho bản về thanh bình, trù phú với bao nhiêu điều hữu ích; biết liên hệ bản thân: Yêu quý, bảo vệ vẻ đẹp nơi em gắn bó.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe; iêu/irou, ui/uôi.*
4. Mở rộng được vốn từ về nơi thân quen (từ ngữ chỉ nơi chốn).
5. Biết nói và đáp lời đề nghị, lời đồng ý.
6. Nhận diện được kiểu bài thuật việc đã chứng kiến.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về nơi thân quen, gắn bó.
8. Chia sẻ được hiểu biết về một dòng sông hoặc ao, hồ.

### II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *lòng suối.*
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT 2(c), 3 và 4.
- HS mang tới lớp tranh ảnh về nơi em ở, truyện về nơi thân quen, gắn bó đã tìm được.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1, 2

##### A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sử dụng ảnh (nếu có) giới thiệu với bạn một cảnh vật nơi em ở (Gợi ý: *ngọn núi, cánh đồng, công viên, ...*).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Con suối bản tôi.*

##### B. Khám phá và luyện tập

###### 1. Đọc

###### 1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, nhấn giọng các từ ngữ chỉ đặc điểm của con suối, hoạt động của người, vật).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cá lườn đỏ, cá lưng xanh, lấp lánh, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

## 1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xiết* (chảy rất mạnh và nhanh), *chồm* (cất cao mình lên và lao mạnh về phía trước), *lững thững* (từ gọi tả dáng đi thong thả, chậm rãi từng bước một), *trù phú* (đông người và giàu có), *lũ* (nước dâng cao ở vùng đầu nguồn, dồn vào dòng sông trong một thời gian tương đối ngắn, do mưa hoặc tuyết tan gây ra), *thác* (chỗ dòng sông, dòng suối chảy vượt qua một vách đá cao nằm chắn ngang rồi đổ mạnh xuống), *vực* (chỗ nước sâu nhất ở sông, hồ hoặc biển/ chỗ thung lũng sâu trong núi, hai bên có vách dựng đứng),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Con suối đã đem lại cho bản vẻ thanh bình, trù phú với bao nhiêu điều hữu ích.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý, bảo vệ vẻ đẹp nơi em gần bỏ.*

## 1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ đầu đến *lòng suối*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ đầu đến *lòng suối*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

## 2. Viết

### 2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *xiết, chồm, lững thững, tràn rôi, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dao, dòng*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùì vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học).

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

### 2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/oe; iêu/iou, ui/uôi

#### 2.2.1. Phân biệt eo/oe

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS quan sát tranh, trao đổi trong nhóm nhỏ, tìm tên gọi của từng sự vật, hoạt động trong tranh.

– HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: *bánh xèo, mùa xòe, chèo thuyền, đi cà kheo, chích chòe*. GV có thể giải thích thêm: *bánh xèo* (bánh làm bằng bột gạo tẻ xay ướt, tráng

mỏng trên chảo rồi gập đôi lại, trong đó có nhân tôm, thịt, giá đỗ và hành); *mùa xoè* (tên một điệu múa của dân tộc Thái);...).

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 2.2.2. Phân biệt *iêu/ươu, ui/uôi*

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS quan sát tranh, thực hiện BT trong nhóm nhỏ (Đáp án: vằn *iêu/ươu*: con hươu, đà điều, ốc bươu, vằn *ui/uôi*: buồng chuối, dây mùi, ruộng muối. Lưu ý: HS có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, chỉ cần có đúng tiếng chứa vằn cần tìm, VD: chim đà điều, con đà điều,... GV có thể cho HS đặt (nói) câu có từ ngữ vừa tìm được).
- HS chơi tiếp sức, thực hiện BT trên bảng lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 3, 4

### 3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS tìm lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ bằng hình thức nối vào VBT.
- HS chơi tiếp sức để chữa bài.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 từ ngữ theo yêu cầu, ghi vào thẻ từ. Thống nhất kết quả trong nhóm.
- Một số nhóm HS chữa bài bằng hình thức bổ sung thẻ ghi từ ngữ trên bảng.
- HS giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, đọc đoạn văn và các từ ngữ trong khung.
- HS thảo luận, chọn từ ngữ phù hợp thay cho ☹ trong nhóm đôi (Đáp án: *thềm, gian nhà, vườn, nhà*).
- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền từ ngữ.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

### 5. Nói và nghe

#### 5.1. Nói lời đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.

- HS đọc lời của các nhân vật trong tranh theo nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói lại lời nhân vật trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 5.2. Nói và đáp lời đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc lời của các nhân vật trong mỗi tình huống.
- HS đóng vai để nói và đáp lời đồng ý trong nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 5, 6

### 6. Thuật việc được chứng kiến

#### 6.1. Nói theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và từ ngữ gợi ý.
- HS nói miệng trước lớp nội dung mỗi tranh bằng một câu dựa vào từ ngữ gợi ý.
- HS nói trong nhóm đôi về việc nặn tò he của bác Huân dựa vào tranh và từ ngữ gợi ý.
- Một số HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 6.2. Viết đoạn văn ngắn

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nhớ lại nội dung đã nói ở BT 6a.
- HS viết đoạn văn vào VBT.
- Một số HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## C. Vận dụng

### 1. Đọc mở rộng

#### 1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về nơi thân quen, gần bó

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên truyện, nhân vật (lời nói, việc làm của nhân vật),...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, nhân vật (lời nói, việc làm của nhân vật),...

- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## **2. Chia sẻ hiểu biết về một dòng sông hoặc ao, hồ**

- HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với bạn hoặc người thân:
  - + Tên dòng sông hoặc ao, hồ.
  - + Vị trí của dòng sông hoặc ao, hồ.
  - + Đặc điểm nổi bật của dòng sông hoặc ao, hồ (màu nước, cảnh thiên nhiên, ...).
  - + ...
- HS thực hành chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ.
- HS thực hành cùng người thân ở nhà.